

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 24/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 22-6-2022

*V/v Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Ngà

2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

-Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ là Thẩm tra viên chính TAND huyện
Hạ Hoà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm
2022 về tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 1 xã H, huyện H, tỉnh Phú thọ

2- **Bị đơn:** Chị Lương Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 1 xã H, huyện H, tỉnh Phú thọ

Chỗ ở hiện nay: Bản M, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà do ông
Nguyễn Văn H – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện – Địa chỉ: Khu 10 Thị trấn H,
huyện H, tỉnh Phú thọ.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Ngân hàng xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Đ
trình bày: Anh và chị Lương Thị H do mâu thuẫn gia đình nên đã giải quyết ly hôn
tại TAND huyện Hạ Hoà theo bản án số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 26/11/2021. Tại

vụ án này anh và chị H chưa giải quyết về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Anh xác định, anh và chị H kết hôn năm 2014, sau kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình anh. Năm 2018 anh và chị H đã mua được một thửa đất diện tích 180m² tại khu 1 xã H, huyện H và được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận số CH 01176 cấp ngày 06/02/2018 đứng tên Nguyễn Văn Đ và Lương Thị H. Hiện trên thửa đất đang trồng cây keo. Có vay của Ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà số tiền là 70.000.000đ vào tháng 5/2021. Anh xác định không còn tài sản chung, nợ chung nào khác. Anh Đ yêu cầu TAND huyện Hạ Hoà giải quyết chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn. Cụ thể: Anh nhận sử dụng thửa đất trên và nhận trả nợ cho Ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà số tiền 70.000.000đ. Ngoài ra anh Đ không có yêu cầu nào khác.

Bản tự khai của chị Lương Thị H ngày 18/5/2022 tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Sơn La: Chị H công nhận trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Đ đã được mua 01 thửa đất diện tích là 180m² tại khu 1 xã H, huyện Hạ Hoà và đã được UBND huyện Hạ Hoà cấp giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 06/02/2018 đứng tên Nguyễn Văn Đ và Lương Thị H. Ngoài ra, chị và anh Đ có vay của ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà số tiền là 70.000.000đ, vay từ tháng 5/2021. Quan điểm giải quyết của chị H: Đề nghị Toà án giao thửa đất cho anh Đ sử dụng và anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay cho Ngân hàng. Anh Đ không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử: Giao anh Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 01 thửa đất số 458, tờ bản đồ số 47, diện tích 180m² (giấy chứng nhận QSD đất số CH 01176 ngày 06/02/2018 đứng tên anh Đ và chị H) – Địa chỉ: Khu 1 xã H, huyện Hạ Hoà, trị giá: 270.000.000 đồng.

Và 14 cây keo phi 30 được trồng trên đất có trị giá: 1.540.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Đ được hưởng là 271.540.000 đồng.

* Về nợ chung: Giao anh Đ có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Anh Đ không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H.

*Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn là chị H vắng mặt được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS. TAND huyện Hạ Hoà đưa vụ án ra xét xử, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về nội dung: Anh Đ và chị H đều công nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị đã xây dựng được khối tài sản chung gồm tài sản đã được thẩm định và định giá, cụ thể như sau:

-Đất ở: thửa đất số 458, tờ bản đồ số 47, diện tích 180m², tại khu 1 xã H, huyện H và đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH 01176 ngày 06/02/2018 đứng tên anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị H, trị giá 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng)

- 14 cây keo phi 30 được trồng trên thửa đất có giá là 1.540.000đ (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng cộng tài sản trị giá = 271.540.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nợ chung: Nợ Ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà số tiền 70.000.000đ.

Ngoài ra không còn tài sản chung, nợ chung nào khác.

Theo quy định tại điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố như: Hoàn cảnh gia đình của vợ chồng, công sức đóng góp của vợ chồng...Khoản 2 điều 64 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về chia quyền sử dụng đất của vợ chồng khi ly hôn: *“Trong trường hợp chỉ một bên có nhu cầu và có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì bên đó được tiếp tục sử dụng nhưng phải thanh toán cho bên kia phần giá trị quyền sử dụng đất mà họ được hưởng”*. Tuy nhiên, theo quan điểm của chị H về việc giải quyết vụ án thì chị cũng nhất trí giao toàn bộ thửa đất diện tích 180m² tại khu 1 xã H, huyện Hạ Hoà cho anh Đ có quyền sử dụng. Anh Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền 70.000.000đ cho ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà. Chị không yêu cầu anh Đ phải thanh toán chênh lệch tài sản. Xét thấy quan điểm của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên đương sự, cần chấp nhận. HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ. Cần giao tài sản là 01 thửa đất số 458, tờ bản đồ số 47, diện tích 180m², tại khu 1 xã H, huyện Hạ Hoà cho anh Đ sử dụng và anh Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền 70.000.000đ cho ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà. Anh Đ không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H.

[3] Về án phí DSST: Anh Đ thuộc trường hợp hộ nghèo, theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, HĐXX miễn toàn bộ án phí cho anh Đ.

[4] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí thẩm định và định giá tài sản là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng). Anh Đ nhận nộp toàn bộ số tiền trên.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 147, điều 156, 157, 164, 165, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 – BLTTDS; điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với chị Lương Thị H.

Xử:

* Giao anh Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 01 thửa đất số 458, tờ bản đồ số 47, diện tích 180m² (giấy chứng nhận QSD đất số CH 01176 ngày 06/02/2018 đứng tên anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị H) – Địa chỉ: Khu 1 xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ, trị giá: 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng)

Và 14 cây keo phi 30 được trồng trên đất có trị giá: 1.540.000đ (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản anh Đ được hưởng là 271.540.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

Anh Đ không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H.

* Về nợ chung: Giao anh Đ có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng CSXH huyện Hạ Hoà số tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*Về án phí DSST: Miễn toàn bộ án phí DSST cho anh Nguyễn Văn Đ.

* Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ nhận chịu số tiền 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Đ có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị H có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã H;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc